

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 30 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Nhung và bà Nguyễn Thị Kim Luyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2020/TLST - HS ngày 06 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 13/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/HSST- QĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 tại tỉnh Phú Thọ; Đăng ký HKTT: Khu Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; hiện trú tại: Tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Văn L và con bà Trần Thị T; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

* Bị hại: Công ty TNHH Sejin E Vina;

Địa chỉ: TDP X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park H, Chức vụ: Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1981.

Chức vụ: Trợ lý chủ tịch công ty, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

* Người làm chứng:

- Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1981, có mặt.

- Chị Trần Thị T, 1992, có mặt;

- Chị Dương Thu H, sinh năm 1994, có mặt.
- * Người chứng kiến:
- Ông Nguyễn Thế K, sinh năm 1959, có mặt;
- Ông Đinh Văn L, sinh năm 1956, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Công ty TNHH Sejin E Vina có hợp đồng lao động từ ngày 07/12/2019 đến ngày 07/12/2020, công việc của T là nhân viên phòng sản xuất. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 16/6/2020, Nguyễn Văn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 19E1 – 037.80 đi đến Công ty TNHH Sejin E Vina tại tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc để làm việc. Khi đến công ty, T để xe mô tô của mình ngoài xưởng sản xuất giáp với nhà điều hành của công ty sau đó vào làm việc.

Khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, khi đang làm việc tại bộ phận sản xuất của Công ty, Nguyễn Văn T quan sát thấy xung quanh không có ai, nên T nảy sinh ý định trộm cắp tai nghe điện thoại trong xưởng sản xuất đem ra ngoài bán lấy tiền, nên T đã lấy 412 tai nghe trong xưởng gồm: 352 tai nghe bên phải (Housing Assy R) Note 10 và 60 tai nghe bên trái (Housing Assy L) Note 10 cho vào 02 túi nilon sau đó để vào xô nhựa màu xanh ở gần đó (lúc này bên trong xô nhựa có gậy trắng hình trụ tròn, rỗng và 01 tấm nhựa màu trắng mỏng). Sau khi T để tai nghe vào trong xô nhựa, để tránh bị phát hiện nên T lấy 01 chiếc xô nhựa màu xanh khác để lên trên xô nhựa có tai nghe trộm cắp. Nguyễn Văn T cầm xô nhựa đi ra vị trí xe mô tô BKS: 19E1 – 037.80 của mình và để 02 túi nilon chứa tai nghe trộm cắp cất giấu vào trong cốp xe rồi khóa cốp lại, mục đích để sau khi hết giờ làm việc đem đi tiêu thụ. Sau khi cất giấu xong tài sản Nguyễn Văn T quay lại vào xưởng làm việc bình thường. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, anh Hoàng Văn N là trợ lý trực tiếp của tổng giám đốc Công ty, kiểm tra camera an ninh của công ty và phát hiện việc Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản của Công ty. Nên anh N đã trình báo lãnh đạo Công ty, sau đó có đơn trình báo Công an đến kiểm tra lập biên bản làm việc, thu giữ toàn bộ tang vật do Nguyễn Văn T trộm cắp.

*Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

-Thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 19E1 – 037.80, số khung: 2703BY258019, số máy JF27E1050596 (đã cũ) và Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô chủ xe Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên T sử dụng là phương tiện phạm tội là tài sản riêng của Nguyễn Văn T. Xe mô tô này được chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự chờ xử lý.

- 01 gậy nhựa màu trắng, 01 tấm nhựa màu trắng, 02 xô nhựa màu xanh, đều đã qua sử dụng và 352 tai nghe bên phải (Housing Assy R) Note 10 và 60 tai nghe bên trái (Housing Assy L) Note 10. Các tài sản này quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH Sejin E Vina. Ngày 01/9/2020 và 14/10/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ số tài sản trên cho ông Hoàng Văn N là đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH Sejin E Vina nhận lại, nay Công ty không có đề nghị gì.

Tại Kết luận số: 4132/C09 – P6 ngày 20/7/2020, Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: 352 linh kiện tai nghe bên phải (Housing Assy R Note 10), gồm: 01 loa nhỏ có chữ “AKG” được gắn với sợi dây cáp dài khoảng 15cm; 60 linh kiện tai nghe bên trái (Housing Assy L Note 10), gồm: 01 loa nhỏ có chữ “AKG” được gắn với 01 sợi dây cáp dài 125,5 cm, 1 đầu có cổng kết nối Type – C, trên cổng có chữ “Sam sung”, gửi giám định đều hoạt động bình thường.

Tại Kết luận định giá số: 70/KL-HĐĐGTS Ngày 04/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: 352 linh kiện tai nghe bên phải (Housing Assy R Note 10), gồm: 01 loa nhỏ có chữ “AKG” được gắn với sợi dây cáp dài khoảng 15cm và 60 linh kiện tai nghe bên trái (Housing Assy L Note 10), gồm: 01 loa nhỏ có chữ “AKG” được gắn với 01 sợi dây cáp dài 125,5 cm, 1 đầu có cổng kết nối Type – C, trên cổng có chữ “Sam sung” có tổng giá là: 10.530.237 đồng (Mười triệu năm trăm ba mươi nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 75/CT - VKSPY ngày 04 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo T; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách gấp đôi. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T; tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 19E1 – 037.80, số khung 2703BY258019, số máy JF27E1050596 đã qua sử dụng có đăng ký xe tên Nguyễn Văn T. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị hại, của người làm chứng; Biên bản sự việc, Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường, Kết luận giám định, Bản ảnh giám định, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 16/6/2020 tại tổ dân phố X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 412 linh kiện tai nghe điện thoại của Công ty TNHH Sejin E Vina, với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 10.530.237 đồng (Mười triệu năm trăm ba mươi nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng).

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải đưa ra bị cáo ra xét xử trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo T là công nhân của Công ty, nhưng không chịu phấn đấu rèn luyện mà lại trộm cắp tài sản của nơi mình đang làm việc. Tuy nhiên xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho người bị hại; hơn nữa bị cáo có ông nội tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước là liệt sĩ và hiện bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình. Nên bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi cân nhắc nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần mở lượng khoan hồng của Nhà nước để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh và làm rõ tại phiên tòa, bị cáo hiện đã phải nghỉ việc, không có tài sản riêng và không có thu nhập ổn định. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

Qua điều tra, xác minh và làm rõ tại phiên tòa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 19E1 – 037.80, số khung 2703BY258019, số máy JF27E1050596, bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội là tài sản riêng của bị cáo T có trước khi kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên bị cáo. Nên cần tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước theo quy định là phù hợp.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù; cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 19E1 – 037.80, số khung 2703BY258019, số máy

JF27E1050596 đã qua sử dụng, kèm theo giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô số 003011 trên mang tên Nguyễn Văn T.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
- Viện kiểm sát thành phố P;
- Thi hành án thành phố P;
- UBND phường T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh P;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Thị Thúy

